

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025 (lần 2)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Dịch vụ đảm bảo và chứng thực		
Mã học phần:	71ACCT30613	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71ACCT30613_01,02		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có, tài liệu giấy	☐ Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Xác định yêu cầu và nhiệm vụ của kiểm toán viên trong quy trình kiểm toán	Trắc nghiệm	30%	TN4,7,8,10,11,12,14,15,16,17	0.3đ/câu	
CLO3	Nêu nhận định về kiểm toán trong một số trường hợp đơn giản.	Tự luận+trắc nghiệm	20%	TN 9,18 TL câu 2	0.3đ/câu TL 2đ	
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện để đánh giá các bằng chứng kiểm toán và các sai sót trong việc lập	Tự luận+trắc nghiệm	30%	TN10,13 TL câu 1	0.3đ/câu TL 2đ	

	và trình bày báo cáo tài chính					
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp	Trắc nghiệm	20%	TN1,2,3,6,19,20	0.3đ/câu	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Phần I: Trắc nghiệm (6 điểm, gồm 20 câu mỗi câu 0,3 điểm)

Câu 1: Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán sẽ đảm bảo:

- A. Làm tăng thêm sự tin cậy của các báo cáo tài chính
- B. Thông tin trên các báo cáo tài chính là chính xác
- C. Không có gian lận trong báo cáo tài chính
- D. Đơn vị đã được quản lý tốt

ANSWER: A

Câu 2: Khi mức rủi ro phát hiện chấp nhận được tăng lên thì kiểm toán viên có thể:

- A. Giảm thử nghiệm cơ bản
- B. Tăng thử nghiệm cơ bản
- C. Tăng thử nghiệm kiểm soát
- D. Giảm thử nghiệm kiểm soát

ANSWER: A

Câu 3: Khi một báo cáo tài chính trung thực và hợp lý thì có nghĩa là:

- A. Báo cáo tài chính đó không còn sai lệch trọng yếu
- B. Báo cáo tài chính đó chính xác và không sai sót, gian lận trọng yếu
- C. Báo cáo tài chính đó không còn bất kì một sai lệch nào, kể cả các sai lệch không trọng yếu
- D. Báo cáo tài chính đó chứa đựng một số sai lệch, kể cả trọng yếu và không trọng yếu

ANSWER: A

Câu 4: Phát biểu nào sau đây là không đúng về báo cáo kiểm toán:

- A. Báo cáo kiểm toán không cần lập trong trường hợp Kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính do bị giới hạn về phạm vi kiểm toán
- B. Báo cáo kiểm toán là văn bản trình bày ý kiến của Kiểm toán viên về thông tin đã được kiểm toán
- C. Trong báo cáo kiểm toán phải ghi rõ đối tượng kiểm toán
- D. Trách nhiệm của Kiểm toán viên và Giám đốc đơn vị được xác định rõ ràng trong báo cáo kiểm toán

ANSWER: A

Câu 5: Người chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các gian lận và sai sót trong đơn vị là:

- A. Giám đốc hay người đứng đầu đơn vị
- B. Kế toán trưởng
- C. Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị
- D. Giám đốc tài chính của đơn vị

ANSWER: A

Câu 6: Trong các hành vi sau đây, hành vi nào không thuộc hành vi gian lận?

- A. Bỏ sót nghiệp vụ
- B. Giả mạo, sửa chữa, xử lý chứng từ theo ý muốn chủ quan
- C. Giấu diếm, xuyên tạc số liệu, tài liệu
- D. Cố tình áp dụng sai nguyên tắc kế toán

ANSWER: A

Câu 7: Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được thiết lập nhằm:

- A. Thực hiện các mục tiêu của các nhà quản lý của đơn vị
- B. Phục vụ cho bộ phận kiểm toán nội bộ
- C. Thực hiện chế độ quản lý tài chính kế toán của nhà nước
- D. Giúp kiểm toán viên độc lập dễ lập kế hoạch kiểm toán

ANSWER: A

Câu 8: Kiểm toán viên sẽ thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát khi:

- A. Cần thu thập bằng chứng về sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ
- B. Kiểm soát nội bộ của đơn vị yếu kém
- C. Rủi ro kiểm soát được đánh giá cao
- D. Các đáp án đều đúng

ANSWER: A

Câu 9: Một công ty khách hàng trong năm đã thay đổi phương pháp kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính. Bởi vì sự thay đổi đó khiến cho các báo cáo tài chính bị trình bày sai lệch nghiêm trọng và không tuân thủ các nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi. Kiểm toán viên khi đó nên:

- A. Đưa ra ý kiến trái ngược và giải thích lý do
- B. Từ chối đưa ra ý kiến và đưa ra lý do

- C. Đưa ra ý kiến ngoại trừ do việc thiếu nhất quán trong sử dụng phương pháp kế toán
- D. Đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh

ANSWER: A

Câu 10: Rủi ro phát hiện sẽ giảm khi:

- A. Mở rộng cỡ mẫu
- B. Tăng cường tối đa các thử nghiệm kiểm soát cần thiết
- C. Giảm số lượng bằng chứng kiểm toán cần thu nhập
- D. Ba đáp án đều đúng

ANSWER: A

Câu 11: Khi kiểm toán viên (KTV) đánh giá rủi ro kiểm soát là cao, điều đó có nghĩa là hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) của khách hàng:

- A. Yếu kém và KTV không có ý định dựa vào hệ thống KSNB để giảm bớt các thử nghiệm cơ bản
- B. Yếu kém và KTV có ý định dựa vào hệ thống KSNB để giảm bớt các thử nghiệm cơ bản
- C. Hữu hiệu và KTV không có ý định dựa vào hệ thống KSNB để giảm bớt các thử nghiệm cơ bản
- D. Hữu hiệu và KTV có ý định dựa vào hệ thống KSNB để giảm bớt các thử nghiệm cơ bản

ANSWER: A

Câu 12: Trong các loại rủi ro sau, kiểm toán viên có thể tác động vào loại rủi ro nào?

- A. Rủi ro phát hiện
- B. Rủi ro tiềm tàng
- C. Rủi ro kiểm soát
- D. Cả 3 loại rủi ro

ANSWER: A

Câu 13: Khách hàng không phát hiện kịp thời việc nhân viên gian lận do không có sự phân công phân nhiệm hợp lý. Đây là loại rủi ro gì?

- A. Rủi ro kiểm soát

- B. Rủi ro tiềm tàng
- C. Rủi ro phát hiện
- D. Rủi ro kiểm toán

ANSWER: A

Câu 14: Việc chứng kiến kiểm kê tài sản cố định của của đơn vị sẽ cung cấp bằng chứng chủ yếu về:

- A. Sự tồn tại của tài sản cố định vào thời điểm kiểm kê
- B. Sự chính xác của giá trị tài sản cố định hiện có
- C. Tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của đơn vị
- D. Tài sản cố định được khai báo đầy đủ

ANSWER: A

Câu 15: Vấn đề nào sau đây không phải là mục tiêu của kiểm soát nội bộ?

- A. Con người vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ
- B. Sự hữu hiệu và hiệu quả của các hoạt động
- C. Độ tin cậy của các báo cáo tài chính
- D. Tuân thủ luật lệ và các quy định

ANSWER: A

Câu 16: Kiểm toán viên kiểm tra việc đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, đó là thủ tục nhằm đạt mục tiêu kiểm toán về:

- A. Đánh giá
- B. Đầy đủ
- C. Hiện hữu
- D. Quyền và nghĩa vụ

ANSWER: A

Câu 17: Trong các bằng chứng kiểm toán sau đây, loại nào được kiểm toán viên cho là có độ tin cậy cao nhất?

- A. Xác nhận của ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên
- B. Hóa đơn của người bán lưu trữ tại đơn vị
- C. Hóa đơn bán hàng của đơn vị
- D. Các bằng chứng phỏng vấn nhân viên đơn vị

ANSWER: A

Câu 18: Khi kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do bị giới hạn về phạm vi kiểm toán thì kiểm toán viên cần giải thích cơ sở để hình thành nên ý kiến của mình trên:

- A. Báo cáo kiểm toán
- B. Thuyết minh của báo cáo tài chính
- C. Cả báo cáo kiểm toán và thuyết minh báo cáo tài chính
- D. Cả báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính

ANSWER: A

Câu 19: Khi kiểm toán viên giảm mức trọng yếu thì:

- A. Tăng các thử nghiệm cơ bản
- B. Giảm các thử nghiệm cơ bản
- C. Tăng các thử nghiệm kiểm soát
- D. Giảm các thử nghiệm kiểm soát

ANSWER: A

Câu 20: Việc gửi thư xác nhận cho ngân hàng để xác nhận số dư tài khoản tiền gửi của khách hàng vào thời điểm cuối kỳ kế toán nhằm thỏa mãn chủ yếu mục tiêu kiểm toán nào sau đây:

- A. Hiện hữu
- B. Đánh giá
- C. Quyền

D. Đầy đủ

ANSWER: A

Phần II: Tự luận (4 điểm, gồm 2 câu mỗi câu 2 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty ABC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/20XX, kiểm toán viên phát hiện tình huống sau:

Trong tháng 12/20XX, Công ty có ghi nhận nhầm giá trị chưa thuế Giá trị gia tăng (GTGT) của một hóa đơn liên quan đến chi phí bán hàng vào khoản phải thu khách hàng (giá trị chưa thuế GTGT là 20.000.000 đồng, thuế GTGT 10%). Khoản chi phí này được thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Cho biết:

- Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Công ty kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

- Xác định ảnh hưởng của sai sót trên đến Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 20XX của công ty ABC.
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh nếu có cho sai sót trên.

Câu 2. (2 điểm):

Hãy cho biết trong từng trường hợp dưới đây, Kiểm toán viên sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán gì là phù hợp? Giải thích ngắn gọn? (mỗi ý kiến kiểm toán đúng 0,25 điểm, lí do đúng 0,25 điểm)

a/ Trường hợp 1: Kiểm toán viên kết luận rằng đã thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, kiểm toán viên nhận định rằng Báo cáo tài chính chỉ còn một vài sai sót nhỏ, không trọng yếu.

b/ Trường hợp 2: Kiểm toán viên kết luận rằng đã thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, kiểm toán viên nhận định rằng khoản mục nợ phải thu còn chứa đựng sai sót trọng yếu tuy nhiên sai sót này không ảnh hưởng lan tỏa đối với Báo cáo tài chính.

c/ Trường hợp 3: Đơn vị khách hàng không cho kiểm toán viên chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và kiểm toán viên cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế thích hợp. Biết rằng giá trị của khoản mục này là trọng yếu và nếu bị sai lệch sẽ ảnh hưởng lan tỏa đối với báo cáo tài chính.

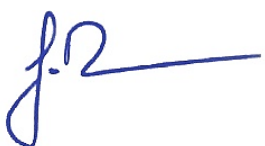
d/ Trường hợp 4: Đơn vị khách hàng không cho kiểm toán viên gửi thư xác nhận nợ phải thu khách hàng và kiểm toán viên cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế thích hợp. Biết rằng những ảnh hưởng có thể có của các sai sót chưa được phát hiện (nếu có) có thể là trọng yếu nhưng không lan tỏa đối với báo cáo tài chính.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6.0	
Câu 1 – 20	Đáp án A	0.3	
II. Tự luận		4.0	
Câu 1	Xác định ảnh hưởng đến bảng BCKQKD: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2 điểm - Chi phí bán hàng: -20 - LN trước thuế: +20 - Thuế TNDN: +4 (20*20%) - LN sau thuế: +16 (20-4)	0.8	
	Xác định ảnh hưởng đến bảng CĐKT: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2 điểm - LN chưa phân phối: +16 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: +4 - Phải thu khách hàng: +20	0.6	
	Thực hiện bút toán điều chỉnh 1. Nợ TK 641 20 Có TK 131 20 0,4đ 2. Nợ TK 3334 4 Có TK 8211 4 0,1đ 3. Nợ TK 421 16	0.6	

	Có TK 911 16 0,1đ			
Câu 2	Đáp án: mỗi ô đúng 0.25đ		2.0	
	Ý kiến kiểm toán	Giải thích		
	a. Ý kiến chấp nhận toàn phần	Do KTV đã thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận là Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu.		
	b. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ	Do KTV đã thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận là khoản mục nợ phải thu còn sai sót trọng yếu nhưng không ảnh hưởng lan tỏa đến báo cáo tài chính.		
	c. Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến	Do KTV không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận. Đồng thời ảnh hưởng của sai sót này (nếu có) sẽ lan tỏa đến toàn bộ báo cáo tài chính.		
	d. Ý kiến kiểm toán dạng ngoại trừ	Do KTV không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận. Tuy nhiên ảnh hưởng của sai sót này (nếu có) không lan tỏa đến toàn bộ báo cáo tài chính.		
	Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề



ThS. Phan Minh Nguyệt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2024

Giảng viên ra đề

